

Số: 23/CTPS

Phú Sơn, ngày 24 tháng 7 năm 2016

CÔNG VĂN GIẢI TRÌNH

(V/v: Giải trình điều chỉnh số liệu sau khi KTNN kiểm toán BCTC năm 2015)

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**

Địa chỉ: 101 ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế: **3600271092**

Mã chứng khoán: **PSL**

Người đại diện theo pháp luật: **Hà Văn Sơn**

Ngày 04/3/2016, Công ty chúng tôi đã nộp Báo cáo tài chính năm 2015 cho UBCK nhà nước. Báo cáo này đã được Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán ngày 26/02/2016.

Thực hiện theo Quyết định 658/QĐ-KTNN ngày 06/4/2016 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 tại Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai. Tổ kiểm toán số 3 thuộc đoàn Kiểm toán Tổng công ty CNTP Đồng Nai của Kiểm toán nhà nước Khu vực XIII đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần chăn nuôi Phú Sơn từ ngày 16/5/2016 đến ngày 27/5/2016. Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 như sau:

1. Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo (Số cuối năm)	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	2	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	162.541.643.136	164.010.844.404	1.469.201.268
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	69.555.113.283	69.555.113.283	-
1. Tiền	111	1.522.974.394	1.522.974.394	-
2. Các khoản tương đương tiền	112	68.032.138.889	68.032.138.889	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	55.500.000.000	55.500.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	55.500.000.000	55.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	475.266.843	1.844.468.111	1.369.201.268
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	157.276.435	157.276.435	-
2. Trả trước cho người bán	132	70.015.000	70.015.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	405.251.843	1.774.453.111	1.369.201.268
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(157.276.435)	(157.276.435)	-
IV. Hàng tồn kho	140	36.727.673.792	36.727.673.792	-

1. Hàng tồn kho	141	36.727.673.792	36.727.673.792	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	283.589.218	383.589.218	100.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		100.000.000	100.000.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	283.589.218	283.589.218	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	63.616.018.386	63.616.018.386	-
II. Tài sản cố định	220	29.091.693.480	29.091.693.480	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	19.371.301.724	19.371.301.724	-
- Nguyên giá	222	71.042.647.669	71.042.647.669	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(51.671.345.945)	(51.671.345.945)	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-	-
- Nguyên giá	225			-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			-
3. Tài sản cố định vô hình	227	9.720.391.756	9.720.391.756	-
- Nguyên giá	228	10.725.800.713	10.725.800.713	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(1.005.408.957)	(1.005.408.957)	-
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-	-
- Nguyên giá	231			-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	963.820.000	963.820.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	963.820.000	963.820.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	11.250.000.000	11.250.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	11.250.000.000	11.250.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	22.310.504.906	22.310.504.906	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	22.310.504.906	22.310.504.906	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	226.157.661.522	227.626.862.790	1.469.201.268
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	23.985.465.994	22.546.690.273	(1.438.775.721)
I. Nợ ngắn hạn	310	21.735.465.994	22.546.690.273	811.224.279
1. Phải trả người bán ngắn hạn	312	5.849.554.492	5.849.554.492	
2. Người mua trả tiền trước	313	4.299.000	4.299.000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	2.063.303.621	2.874.527.900	811.224.279
4. Phải trả người lao động	315	3.857.614.895	3.857.614.895	
5. Phải trả ngắn hạn khác	320	9.253.430.699	9.253.430.699	
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321			
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	707.263.287	707.263.287	
II. Nợ dài hạn	330	2.250.000.000	-	(2.250.000.000)
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337			
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	341	2.250.000.000		(2.250.000.000)
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	202.172.195.528	205.080.172.517	2.907.976.989
I. Vốn chủ sở hữu	410	202.172.195.528	205.080.172.517	2.907.976.989
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	45.000.000.000	45.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	412	45.000.000.000	45.000.000.000	
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	4.500.000.000	4.500.000.000	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	106.234.104.677	106.234.104.677	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	46.438.090.851	49.346.067.840	2.907.976.989
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	46.438.090.851	49.346.067.840	2.907.976.989
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	226.157.661.522	227.626.862.790	1.469.201.268

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	233.034.406.300	233.034.406.300	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	233.034.406.300	233.034.406.300	-
4. Giá vốn hàng bán	11	170.169.015.449	170.169.015.449	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	62.865.390.851	62.865.390.851	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.278.577.691	8.647.778.959	1.369.201.268
7. Chi phí tài chính	22	39.829.000	39.829.000	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	39.829.000	39.829.000	-
8. Chi phí bán hàng	24	89.674.000	89.674.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.502.395.811	6.402.395.811	(100.000.000)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	63.512.069.731	64.981.270.999	1.469.201.268
11. Thu nhập khác	31	941.655.932	3.191.655.932	2.250.000.000
12. Chi phí khác	32	1.223.139.422	1.223.139.422	-
13. Lợi nhuận khác	40	(281.483.490)	1.968.516.510,00	2.250.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	63.230.586.241	66.949.787.509	3.719.201.268
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	10.042.495.390	10.853.719.669	811.224.279
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 15%)	52	8.503.501.250	8.518.501.250	15.000.000
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)	60	1.538.994.140	2.335.218.419	796.224.279
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	70			-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71	53.188.090.851	56.096.067.840	2.907.976.989
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)				

Nguyên nhân dẫn đến các số liệu điều chỉnh là:

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng: Công ty ghi nhận lãi tiền gửi ngân hàng theo số tiền lãi thực tế đã nhận được đến thời điểm 31/12/2015. Kiểm toán Nhà nước đã xác định lại doanh thu tài chính tăng do xác định thêm các khoản lãi tiền gửi dự thu (Công ty chưa thực nhận) tính đến thời điểm 31/12/2015 theo điều 78, điều 80 tại Thông tư 200/2014/BTC ngày 22/12/2014. Do vậy, điều chỉnh tăng doanh thu tài chính năm 2015 là 1.369.201.268 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 (Mã số 21) đồng thời tăng khoản phải thu ngắn hạn (Mã số 136) 1.369.201.268 trên Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2015.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm: Ngày 9/12/2015 Công ty ký hợp đồng với đơn vị tổ chức đường hoa nhằm thực hiện giới thiệu hình ảnh của công ty tại Hội hoa xuân Bình Thân năm 2016 tổ chức tại Trấn Biên – Bửu Long, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai với giá trị hợp đồng 100.000.000 đồng. Công ty đã nhận hóa đơn dịch vụ đầu vào, thanh toán tiền và hạch toán vào chi phí quản lý trong năm 2015. Theo Thông báo 03/TB-BTC ngày 13/01/2016 của Ban tổ chức Hội hoa xuân Trấn Biên –

Bừu Long thì đường hoa Trần Biên 2016 mở cửa phục vụ người dân từ 05/02/2016 – 13/02/2016. Theo Kiểm toán nhà nước, việc hạch toán khoản này vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2015 là chưa phù hợp, vì khoản này phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016. Vì vậy, điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp (mã số 25) trên bảng Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015 là 100.000.000 đồng và tăng chỉ tiêu Chi phí trả trước ngắn hạn (mã số 151) trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 là 100.000.000 đồng.

- Thu nhập khác tăng: Năm 2014, Công ty đã trích Quỹ khoa học và công nghệ nhưng không có nhu cầu sử dụng nên Kiểm toán NN thống nhất cho hoàn nhập trong năm 2015 số tiền 2.250.000.000 đồng. Do vậy, điều chỉnh tăng thu nhập khác (Mã số 31) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 là 2.250.000.000 đồng và giảm chỉ tiêu Quỹ khoa học và công nghệ (Mã số 341) trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 là 2.250.000.000 đồng.

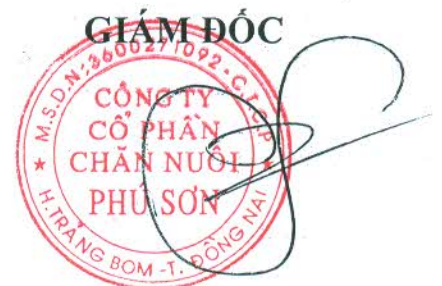
Tổng hợp 03 nguyên nhân trên làm cho Tổng lợi nhuận trước thuế tăng lên 3.719.201.268 đồng, Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng lên 811.224.279 đồng và lợi nhuận sau thuế TNDN tăng lên 2.907.976.989 đồng. Do vậy, điều chỉnh tăng Mã số 50- Tổng lợi nhuận trước thuế là 3.719.201.268 đồng, Mã số 51- Chi phí thuế TNDN hiện hành là 811.224.279 đồng, Mã số 71-Lợi nhuận sau thuế TNDN là 2.907.976.989 đồng trên bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015) là 2.907.976.989 đồng.

Nay Công ty chúng tôi làm giải trình này kèm theo báo cáo của Kiểm toán nhà nước Khu vực XIII ngày 20/6/2016 để nộp cho UBCK nhà nước. Các số liệu phải điều chỉnh ở trên, Công ty sẽ điều chỉnh hồi tố vào báo cáo tài chính năm 2016.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu.



Hà Văn Sơn

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

C. TY CP CHĂN NUÔI PHÚ SƠN	
ĐẾN	Số: 70
	Ngày: 20/7/2016
Chuyến

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015
CỦA CÔNG TY CP CHĂN NUÔI PHÚ SƠN**

MẪU SỐ 01/BCKT-TKT-DN

(Áp dụng cho Tổ kiểm toán Báo cáo tài chính doanh nghiệp)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2012/QĐ-KTNN ngày 28/3/2012
của Tổng Kiểm toán Nhà nước)*

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 6 năm 2016

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015
CỦA CÔNG TY CP CHĂN NUÔI PHÚ SƠN



Thực hiện Quyết định số 658/QĐ-KTNN ngày 06/04/2016 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn, Tổ kiểm toán số 03 thuộc Đoàn Kiểm toán Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty từ ngày 16/5/2016 đến ngày 27/5/2016.

1. Nội dung kiểm toán

- Xác nhận tính đúng đắn, trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính năm 2015 và đánh giá thực trạng tài chính của công ty.

- Kiểm toán, đánh giá tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài sản, đất đai, vốn Nhà nước; đánh giá hiệu quả từ hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, góp vốn liên doanh, liên kết; đánh giá khả năng bảo toàn vốn của doanh nghiệp việc triển khai thực hiện thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước);

- Kiểm toán việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán, quản lý đầu tư xây dựng theo quy định của Nhà nước.

- Phát hiện kịp thời hành vi tham nhũng, lãng phí và sai phạm trong quản lý và sử dụng ngân sách tiền và tài sản nhà nước; xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân và kiến nghị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật

2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

2.1 Phạm vi kiểm toán

- Quy mô, tỷ trọng của chỉ tiêu tài chính chủ yếu được kiểm toán so với tổng thể của Công ty: thực hiện kiểm toán 100% các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN.

- Năm tài chính được kiểm toán: Năm 2015 và các thời kỳ trước, sau có liên quan của Công ty.

2.2 Giới hạn kiểm toán

- Tổ Kiểm toán không kiểm toán số dư đầu năm 2015, không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, nguyên liệu, thành phẩm, hàng hoá, sản phẩm dở dang cuối năm 2015; riêng số dư đầu kỳ chỉ kiểm toán việc chuyển đổi số dư từ 31/12/2014 sang 01/01/2015 trên bảng cân đối kế toán; không kiểm toán báo cáo lưu chuyển tiền tệ; không thực hiện xác minh, đối chiếu chứng từ và hóa đơn đầu vào đơn vị đã kê khai khấu trừ và đã hạch toán trong năm 2015 (trường hợp cần thiết có thể tổ chức đối chiếu một số hóa đơn, chứng từ có dấu hiệu không bình thường về đơn giá, số tiền, thời điểm phát sinh...); không tổ chức đối chiếu, xác nhận tất cả các khoản nợ phải thu, nợ phải trả (trường hợp cần thiết sẽ tổ chức đối chiếu với một số khoản công nợ cụ thể. Tổ kiểm toán thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu căn cứ số liệu trên Báo cáo tài chính, sổ kế toán, hóa đơn, và chứng từ do đơn vị xuất trình tại thời điểm kiểm toán.

- Tổ kiểm toán chỉ thực hiện kiểm toán chọn mẫu trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính năm 2015, sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ của đơn vị cung cấp tại thời điểm kiểm toán.

- Lý do:

+ Thời điểm thực hiện kiểm toán sau thời điểm kiểm kê 31/12/2015;

+ Thời gian thực hiện kiểm toán, số lượng kiểm toán viên hạn chế nên Tổ kiểm toán không đủ điều kiện thực hiện kiểm toán các nội dung như đã giới hạn nêu trên.

3. Căn cứ kiểm toán

- Luật Kiểm toán Nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản pháp luật về quản lý kinh tế, tài chính, kế toán và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

- Hệ thống chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế tổ chức và hoạt động Đoàn kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

Báo cáo kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán, biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Kiểm toán viên, biên bản kiểm toán, báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn lập ngày 20/1/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và các tài liệu có liên quan.

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

I. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối năm	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	2	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	162.541.643.136	164.010.844.404	1.469.201.268
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	69.555.113.283	69.555.113.283	-
1. Tiền	111	1.522.974.394	1.522.974.394	-
2. Các khoản tương đương tiền	112	68.032.138.889	68.032.138.889	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	55.500.000.000	55.500.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	55.500.000.000	55.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	475.266.843	1.844.468.111	1.369.201.268
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	157.276.435	157.276.435	-
2. Trả trước cho người bán	132	70.015.000	70.015.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	405.251.843	1.774.453.111	1.369.201.268
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(157.276.435)	(157.276.435)	-
IV. Hàng tồn kho	140	36.727.673.792	36.727.673.792	-
1. Hàng tồn kho	141	36.727.673.792	36.727.673.792	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	283.589.218	383.589.218	100.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		100.000.000	100.000.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	283.589.218	283.589.218	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	63.616.018.386	63.616.018.386	-
II. Tài sản cố định	220	29.091.693.480	29.091.693.480	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	19.371.301.724	19.371.301.724	-
- Nguyên giá	222	71.042.647.669	71.042.647.669	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(51.671.345.945)	(51.671.345.945)	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-	-
- Nguyên giá	225			-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			-
3. Tài sản cố định vô hình	227	9.720.391.756	9.720.391.756	-
- Nguyên giá	228	10.725.800.713	10.725.800.713	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(1.005.408.957)	(1.005.408.957)	-
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-	-
- Nguyên giá	231			-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	963.820.000	963.820.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	963.820.000	963.820.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	11.250.000.000	11.250.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	11.250.000.000	11.250.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	22.310.504.906	22.310.504.906	-

1. Chi phí trả trước dài hạn	261	22.310.504.906	22.310.504.906	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	226.157.661.522	227.626.862.790	1.469.201.268
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	23.985.465.994	22.546.690.273	(1.438.775.721)
I. Nợ ngắn hạn	310	21.735.465.994	22.546.690.273	811.224.279
1. Phải trả người bán ngắn hạn	312	5.849.554.492	5.849.554.492	
2. Người mua trả tiền trước	313	4.299.000	4.299.000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	2.063.303.621	2.874.527.900	811.224.279
4. Phải trả người lao động	315	3.857.614.895	3.857.614.895	
5. Phải trả ngắn hạn khác	320	9.253.430.699	9.253.430.699	
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321			
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	707.263.287	707.263.287	
II. Nợ dài hạn	330	2.250.000.000	-	(2.250.000.000)
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337			
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	341	2.250.000.000		(2.250.000.000)
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	202.172.195.528	205.080.172.517	2.907.976.989
I. Vốn chủ sở hữu	410	202.172.195.528	205.080.172.517	2.907.976.989
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	45.000.000.000	45.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	412	45.000.000.000	45.000.000.000	
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	4.500.000.000	4.500.000.000	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	106.234.104.677	106.234.104.677	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	46.438.090.851	49.346.067.840	2.907.976.989
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	46.438.090.851	49.346.067.840	2.907.976.989
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	226.157.661.522	227.626.862.790	1.469.201.268

*** Nguyên nhân chênh lệch:**

TÀI SẢN TĂNG

1.469.201.268 đ

1. Phải thu ngắn hạn tăng

1.369.201.268 đ

Do đơn vị chưa ghi nhận đầy đủ các khoản lãi tiền gửi đến thời điểm 31/12/2015, theo quy định tại Điều 78, điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

1.369.201.268 đ

2. Tài sản ngắn hạn khác tăng

100.000.000 đ

Điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, tăng chi phí trả trước ngắn hạn. Do đơn vị hạch toán chi phí quảng cáo tết năm 2016 không liên quan đến niên độ phát sinh chi phí là chưa phù hợp quy định tại đoạn 46 và 47 Chuẩn mực số 01- Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

100.000.000 đ

NGUỒN VỐN TĂNG

1.469.201.268 đ

1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng

811.224.279 đ

- Giải thích tại biểu thuế.

811.224.279 đ

2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ giảm

(2.250.000.000) đ

Hoàn nhập quỹ phát triển KH&CN đơn vị đã trích năm 2014, đến nay không có nhu cầu sử dụng.

(2.250.000.000) đ

2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng

2.907.976.989 đ

Do điều chỉnh tăng doanh thu tài chính, thu nhập khác, 2.907.976.989 đ
giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	233.034.406.300	233.034.406.300	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	233.034.406.300	233.034.406.300	-
4. Giá vốn hàng bán	11	170.169.015.449	170.169.015.449	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	62.865.390.851	62.865.390.851	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.278.577.691	8.647.778.959	1.369.201.268
7. Chi phí tài chính	22	39.829.000	39.829.000	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	39.829.000	39.829.000	-
8. Chi phí bán hàng	24	89.674.000	89.674.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.502.395.811	6.402.395.811	(100.000.000)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	63.512.069.731	64.981.270.999	1.469.201.268
11. Thu nhập khác	31	941.655.932	3.191.655.932	2.250.000.000
12. Chi phí khác	32	1.223.139.422	1.223.139.422	-
13. Lợi nhuận khác	40	(281.483.490)	1.968.516.510,00	2.250.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	63.230.586.241	66.949.787.509	3.719.201.268
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	10.042.495.390	10.853.719.669	811.224.279
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 15%)	52	8.503.501.250	8.518.501.250	15.000.000
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)	60	1.538.994.140	2.335.218.419	796.224.279
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	70			-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71	53.188.090.851	56.096.067.840	2.907.976.989
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)				

* Nguyên nhân chênh lệch:

Doanh thu tài chính tăng 1.369.201.268 đ

Do xác định lại khoản doanh thu tài chính chưa ghi nhận đầy đủ đến thời điểm 31/12/2015, theo quy định tại Điều 78, điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. 1.369.201.268 đ

Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 100.000.000 đ

Do đơn vị hạch toán chi phí quảng cáo tết năm 2016 không liên quan đến niên độ phát sinh chi phí là chưa phù hợp quy định tại đoạn 46 và 47 Chuẩn mực số 01- Chuẩn mực kế toán Việt Nam. 100.000.000 đ

Thu nhập khác tăng 2.250.000.000

Hoàn nhập Quỹ phát triển KH&CN đơn vị đã trích năm 2014, đến nay không có nhu cầu sử dụng 2.250.000.000

Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng 811.224.279 đ

Do điều chỉnh doanh thu tài chính, thu nhập khác và chi phí 811.224.279 đ

quản lý doanh nghiệp làm tăng chi phí thuế TNDN hiện hành

Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng

2.907.976.989 đ

Do điều chỉnh doanh thu tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp làm tăng lợi nhuận sau thuế

2.907.976.989 đ

3. Thực hiện nghĩa vụ với NSNN đến 31/12/2015

3.1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	283.589.219	283.589.219	-
1. Thuế nhà đất và tiền thuê đất	283.589.219	283.589.219	-
II. Các khoản phải thu khác			-
Tổng cộng =I+II	283.589.219	283.589.219	-

3.2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	2.063.303.621	2.874.527.900	811.224.279
1. Thuế GTGT	5.485.454	5.485.454	-
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt			-
3. Thuế xuất, nhập khẩu			-
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.042.495.390	2.853.719.669	811.224.279
5. Thuế thu nhập cá nhân	15.322.777	15.322.777	-
II. Các khoản phải nộp khác			-
Tổng cộng =I+II	2.063.303.621	2.874.527.900	811.224.279

* Nguyên nhân chênh lệch:

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng

811.224.279 đ

Xác định lại khoản doanh thu tài chính chưa ghi nhận đầy đủ đến thời điểm 31/12/2015, theo quy định tại Điều 78, điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

301.224.279

=(1.369.201.268*22%)

Đơn vị hạch toán chi phí quảng cáo tết năm 2016 không liên quan đến niên độ phát sinh chi phí là chưa phù hợp quy định tại đoạn 46 và 47 Chuẩn mực số 01- Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

15.000.000

=(100.000.000*15%)

Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ, tăng thu nhập khác

495.000.000

=(2.250.000.000*22%)

4. Về tính đúng đắn, trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty CP chăn nuôi Phú Sơn đã nêu tại Phần 1 – Số liệu. Ngoài trừ những ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đã nêu ở trên, xét trên khía cạnh trọng yếu, trong phạm vi và giới hạn kiểm toán, cho thấy

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn lập đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong năm 2015 của đơn vị.

II. VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

1. Quản lý tài chính, kế toán và quản lý sử dụng vốn, tiền, tài sản nhà nước

Công ty CP chăn nuôi Phú Sơn chấp hành pháp luật và thực hiện quản lý tài chính trên cơ sở Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, các Luật Thuế, các Chuẩn mực kế toán và các quy định khác của Nhà nước. Qua kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015, Tổ kiểm toán đánh giá tính đúng đắn, trung thực, hợp lý báo cáo tài chính; việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ quản lý tài chính, kế toán trong năm 2015 của công ty theo những nội dung chủ yếu sau:

1.1. Quản lý tài sản

1.1.1. Quản lý tài sản ngắn hạn

a) *Quản lý tiền và các khoản tương đương tiền:*

Tại thời điểm ngày 31/12/2015 có số dư là 69.555.113.283 đồng. Trong đó, số dư tiền mặt tại quỹ là 290.843.540 đồng (chiếm 0,42%), tiền gửi ngân hàng là 1.232.130.854 đồng (chiếm 1,77%); các khoản tương đương tiền 68.032.138.889 đồng (chiếm 97,81%) là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

Đơn vị theo dõi, ghi chép biến động tiền mặt và tiền gửi theo đúng chế độ quy định... Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi tại các ngân hàng được đơn vị phản ánh, hạch toán trên sổ kế toán phù hợp quy định chế độ kế toán hiện hành, chứng từ liên quan đến các khoản thu chi qua ngân hàng được đơn vị lưu trữ theo quy định. Số dư tiền mặt, tiền gửi cuối năm khớp đúng với biên bản kiểm quỹ và số đối chiếu của ngân hàng.

b) *Các khoản đầu tư ngắn hạn:*

Tại đơn vị vào ngày 31/12/2015 có số dư là 55.500.000.000 đồng. Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng. Đơn vị mở sổ theo dõi, hạch toán phù hợp với quy định kế toán hiện hành. Cuối năm thực hiện đối chiếu với ngân hàng, số đối chiếu khớp đúng với số báo cáo.

c) *Quản lý các khoản phải thu ngắn hạn:*

Tổng giá trị đến 31/12/2015 là 1.844.468.111 đồng, trong đó: phải thu ngắn hạn của khách hàng là 157.276.435 đồng; trả trước cho người bán là 70.015.000 đồng; phải thu ngắn hạn khác là 1.774.453.111 đồng; dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 157.276.435 đồng. Qua kiểm toán xác định phải thu ngắn hạn khác tăng thêm 1.369.201.268 đồng, đây là khoản lãi tiền gửi ngân hàng đơn vị chưa ghi nhận đầy đủ đến ngày 31/12/2015.

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 157.276.435 đồng, đây số tiền phải thu phát sinh từ những năm trước (2005), công ty đã tiến hành thu nhiều lần nhưng không được, theo báo cáo của công ty đối tượng này hiện nay không có mặt tại địa phương, công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định.

quản lý doanh nghiệp làm tăng chi phí thuế TNDN hiện hành

Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng **2.907.976.989 đ**

Do điều chỉnh doanh thu tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp làm tăng lợi nhuận sau thuế **2.907.976.989 đ**

3. Thực hiện nghĩa vụ với NSNN đến 31/12/2015

3.1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	283.589.219	283.589.219	-
1. Thuế nhà đất và tiền thuê đất	283.589.219	283.589.219	-
II. Các khoản phải thu khác			-
Tổng cộng =I+II	283.589.219	283.589.219	-

3.2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	2.063.303.621	2.874.527.900	811.224.279
1. Thuế GTGT	5.485.454	5.485.454	-
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt			-
3. Thuế xuất, nhập khẩu			-
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.042.495.390	2.853.719.669	811.224.279
5. Thuế thu nhập cá nhân	15.322.777	15.322.777	-
II. Các khoản phải nộp khác			-
Tổng cộng =I+II	2.063.303.621	2.874.527.900	811.224.279

* Nguyên nhân chênh lệch:

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng **811.224.279 đ**

Xác định lại khoản doanh thu tài chính chưa ghi nhận đầy đủ đến thời điểm 31/12/2015, theo quy định tại Điều 78, điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. **301.224.279**
 $= (1.369.201.268 * 22\%)$

Đơn vị hạch toán chi phí quảng cáo tết năm 2016 không liên quan đến niên độ phát sinh chi phí là chưa phù hợp quy định tại đoạn 46 và 47 Chuẩn mực số 01- Chuẩn mực kế toán Việt Nam. **15.000.000**
 $= (100.000.000 * 15\%)$

Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ, tăng thu nhập khác **495.000.000**
 $= (2.250.000.000 * 22\%)$

4. Về tính đúng đắn, trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty CP chăn nuôi Phú Sơn đã nêu tại Phần 1 – Số liệu. Ngoại trừ những ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đã nêu ở trên, xét trên khía cạnh trọng yếu, trong phạm vi và giới hạn kiểm toán, cho thấy

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn lập đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong năm 2015 của đơn vị.

II. VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

1. Quản lý tài chính, kế toán và quản lý sử dụng vốn, tiền, tài sản nhà nước

Công ty CP chăn nuôi Phú Sơn chấp hành pháp luật và thực hiện quản lý tài chính trên cơ sở Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, các Luật Thuế, các Chuẩn mực kế toán và các quy định khác của Nhà nước. Qua kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015, Tổ kiểm toán đánh giá tính đúng đắn, trung thực, hợp lý báo cáo tài chính; việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ quản lý tài chính, kế toán trong năm 2015 của công ty theo những nội dung chủ yếu sau:

1.1. Quản lý tài sản

1.1.1. Quản lý tài sản ngắn hạn

a) Quản lý tiền và các khoản tương đương tiền:

Tại thời điểm ngày 31/12/2015 có số dư là 69.555.113.283 đồng. Trong đó, số dư tiền mặt tại quỹ là 290.843.540 đồng (chiếm 0,42%), tiền gửi ngân hàng là 1.232.130.854 đồng (chiếm 1,77%); các khoản tương đương tiền 68.032.138.889 đồng (chiếm 97,81%) là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

Đơn vị theo dõi, ghi chép biến động tiền mặt và tiền gửi theo đúng chế độ quy định... Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi tại các ngân hàng được đơn vị phản ánh, hạch toán trên sổ kế toán phù hợp quy định chế độ kế toán hiện hành, chứng từ liên quan đến các khoản thu chi qua ngân hàng được đơn vị lưu trữ theo quy định. Số dư tiền mặt, tiền gửi cuối năm khớp đúng với biên bản kiểm quỹ và số đối chiếu của ngân hàng.

b) Các khoản đầu tư ngắn hạn:

Tại đơn vị vào ngày 31/12/2015 có số dư là 55.500.000.000 đồng. Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng. Đơn vị mở sổ theo dõi, hạch toán phù hợp với quy định kế toán hiện hành. Cuối năm thực hiện đối chiếu với ngân hàng, số đối chiếu khớp đúng với số báo cáo.

c) Quản lý các khoản phải thu ngắn hạn:

Tổng giá trị đến 31/12/2015 là 1.844.468.111 đồng, trong đó: phải thu ngắn hạn của khách hàng là 157.276.435 đồng; trả trước cho người bán là 70.015.000 đồng; phải thu ngắn hạn khác là 1.774.453.111 đồng; dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 157.276.435 đồng. Qua kiểm toán xác định phải thu ngắn hạn khác tăng thêm 1.369.201.268 đồng, đây là khoản lãi tiền gửi ngân hàng đơn vị chưa ghi nhận đầy đủ đến ngày 31/12/2015.

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 157.276.435 đồng, đây số tiền phải thu phát sinh từ những năm trước (2005), công ty đã tiến hành thu nhiều lần nhưng không được, theo báo cáo của công ty đối tượng này hiện nay không có mặt tại địa phương, công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định.

- Trả trước cho người bán là 70.015.000 đồng. Công ty mở sổ theo dõi chi tiết từng đối tượng (03 đối tượng), cuối năm đối chiếu theo quy định, số liệu khớp đúng giữa sổ chi tiết và tổng hợp.

- Phải thu ngắn hạn khác: tổng giá trị khoản phải thu tính đến ngày 31/12/2015 là 1.774.453.111 đồng, trong đó: bao gồm khoản phải thu các khoản trích theo lương và thuế TNCN số tiền 250.051.843 đồng, phải thu của Bà Diệp Thị Thanh Quý (thủ quỹ làm mất tiền) số tiền phải thu là 150.200.000 đồng. Qua kiểm toán xác định phải thu ngắn hạn khác tăng thêm 1.369.201.268 đồng, đây là khoản lãi tiền gửi ngân hàng đơn vị chưa ghi nhận đầy đủ đến ngày 31/12/2015.

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi số tiền là 157.276.435 đồng. Công ty trích lập khoản dự phòng phải thu khách hàng nợ từ những năm trước.

Đơn vị mở sổ chi tiết, tổng hợp và theo dõi các khoản phải thu ngắn hạn khác theo chi tiết cho từng đối tượng công nợ, cuối năm đối chiếu công nợ theo quy định. Tuy nhiên, đơn vị hạch toán khoản phải thu khác (TK 1388) đối với khách hàng mua heo trả tiền mặt là chưa phù hợp, khoản này phải theo dõi hạch toán trên tài khoản 131.

d) Quản lý hàng tồn kho:

Số dư tài khoản hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2015 là 36.727.673.792 đồng. Trong đó: nguyên liệu, vật liệu 13.835.500.997 đồng (chiếm 37,67%); công cụ, dụng cụ 2.400.000 đồng (chiếm 0,01%); chi phí sản xuất kinh doanh dở dang 22.645.772.795 đồng (chiếm 61,66%); hàng hóa bất động sản 244.000.000 đồng (chiếm 0,66%). Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại đơn vị chủ yếu là sản xuất heo giống nuôi thịt, heo thịt, heo giống hậu bị...

Nhìn chung công ty theo dõi, hạch toán và kiểm kê hàng tồn kho theo quy định. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa được theo dõi nhập, xuất kho chi tiết về mặt số lượng và giá trị theo từng chủng loại, mặt hàng; cuối năm có tổ chức thực hiện kiểm kê theo quy định. Hàng tồn kho cuối năm không bị giảm giá nên Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

e) Quản lý tài sản ngắn hạn khác:

Tổng giá trị tài sản ngắn hạn khác đến ngày 31/12/2015 là 283.589.218 đồng. Đây là khoản thuế phải thu của nhà nước về tiền thuê đất nộp thừa. Công ty mở sổ theo dõi phản ánh biến động của các khoản tạm ứng và cuối năm đối chiếu quỹ định. Tuy nhiên qua kiểm toán tài sản ngắn hạn khác xác định tăng thêm 100.000.000 đồng, đây là khoản chi phí quảng cáo tết năm 2016 nhưng kế toán đơn vị hạch toán vào chi phí năm 2015, Kiểm toán nhà nước đã loại ra cho phù hợp với niên độ phát sinh.

1.1.2. Quản lý tài sản dài hạn.

a) Quản lý tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định có số dư tại thời điểm 31/12/2015 là 29.091.693.480 đồng. Trong đó:

+ Tài sản cố định hữu hình: Nguyên giá TSCĐ hữu hình là 71.042.647.669 đồng, hao mòn lũy kế 51.671.345.945 đồng, giá trị còn lại 19.371.301.724 đồng. Nguyên giá tài sản cố định của công ty chiếm tỷ trọng 36% trong tổng tài sản, nhưng khấu hao trong năm chỉ có 5.457.620.421 đồng là do nhiều TSCĐ đã hết giá trị khấu hao nhưng đơn vị tận dụng để hoạt động kinh doanh. Nhìn chung, công ty mở sổ theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Tài sản cố định của đơn vị bao gồm máy móc thiết bị, nhà cửa, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, quyền thuê đất, và tài sản cố định khác. Việc quản lý tài sản cố định tương đối chặt chẽ, mỗi tài sản có hồ sơ riêng.

+ Tài sản cố định vô hình: Nguyên giá TSCĐ vô hình là 10.725.800.713 đồng, hao mòn lũy kế 1.005.408.957 đồng, giá trị còn lại 9.720.391.756 đồng. Đây là giá trị quyền sử dụng đất của công ty, giá trị hệ thống quản lý chất lượng. Theo báo cáo của đơn vị giá trị quyền sử dụng đất tại xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh đồng Nai với diện tích 318.211 m² là 5.703.462.695 đồng, đơn vị chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý, do vậy đơn vị chưa trích khấu hao.

b) Đầu tư tài chính dài hạn:

Tại đơn vị vào ngày 31/12/2015 có số dư là 11.250.000.000 đồng. Đây là khoản đầu tư vào công ty CP Đầu tư và Quản lý Khu liên hiệp Công - Nông nghiệp Đồng Nai (Agropark), tỷ lệ góp vốn 28,57%. Nhìn chung, đơn vị mở sổ chi tiết, tổ chức hạch toán, theo dõi, quản lý các khoản đầu tư tài chính theo qui định.

c) Quản lý tài sản dở dang dài hạn:

Chi phí xây dựng dở dang tại ngày 31/12/2015 là 963.820.000 đồng; Số dư đầu kỳ là 841.820.000 đồng, số phát sinh trong năm 2015 là 122.000.000 đồng, đây là chi phí xây dựng trang trại nuôi heo nái quy mô 4.800 con tại xã Xuân Bắc huyện Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai (công ty đang tiến hành xây dựng).

d) Quản lý tài sản dài hạn khác:

Tài sản dài hạn khác đến ngày 31/12/2015 là 22.310.504.906 đồng, chủ yếu là chi phí phân bổ có thời hạn trên 1 năm và giá trị đàn heo nái, heo đực làm việc, đơn vị tổ chức theo dõi chi tiết chi phí phân bổ theo quy định.

1.2. Quản lý nguồn vốn

1.2.1. Quản lý nợ phải trả: Nợ phải trả của công ty tại thời điểm 31/12/2015 là 22.546.690.273 đồng. Qua kiểm toán tình hình công nợ của công ty như sau:

a) Quản lý nợ ngắn hạn:

Nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2015 là 22.546.690.273 đồng, bao gồm: Phải trả cho người bán 5.849.554.492 đồng, người mua trả tiền trước 4.299.000 đồng, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 2.874.527.900 đồng, phải trả người lao động 3.857.614.895 đồng, các khoản phải trả phải nộp khác 9.253.430.699 đồng và các quỹ khen thưởng phúc lợi chưa chi hết 707.263.287 đồng. Qua kiểm toán xác định Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng thêm 811.224.279 đồng, do điều chỉnh lại thuế TNDN sau khi tăng doanh thu tài chính, tăng thu nhập khác và giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Quản lý nợ dài hạn:

- Trả trước cho người bán là 70.015.000 đồng. Công ty mở sổ theo dõi chi tiết từng đối tượng (03 đối tượng), cuối năm đối chiếu theo quy định, số liệu khớp đúng giữa sổ chi tiết và tổng hợp.

- Phải thu ngắn hạn khác: tổng giá trị khoản phải thu tính đến ngày 31/12/2015 là 1.774.453.111 đồng, trong đó: bao gồm khoản phải thu các khoản trích theo lương và thuế TNCN số tiền 250.051.843 đồng, phải thu của Bà Diệp Thị Thanh Quý (thủ quỹ làm mất tiền) số tiền phải thu là 150.200.000 đồng. Qua kiểm toán xác định phải thu ngắn hạn khác tăng thêm 1.369.201.268 đồng, đây là khoản lãi tiền gửi ngân hàng đơn vị chưa ghi nhận đầy đủ đến ngày 31/12/2015.

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi số tiền là 157.276.435 đồng. Công ty trích lập khoản dự phòng phải thu khách hàng nợ từ những năm trước.

SĐơn vị mở sổ chi tiết, tổng hợp và theo dõi các khoản phải thu ngắn hạn khác theo chi tiết cho từng đối tượng công nợ, cuối năm đối chiếu công nợ theo quy định. Tuy nhiên, đơn vị hạch toán khoản phải thu khác (TK 1388) đối với khách hàng mua heo trả tiền mặt là chưa phù hợp, khoản này phải theo dõi hạch toán trên tài khoản 131.

d) Quản lý hàng tồn kho:

Số dư tài khoản hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2015 là 36.727.673.792 đồng. Trong đó: nguyên liệu, vật liệu 13.835.500.997 đồng (chiếm 37,67%); công cụ, dụng cụ 2.400.000 đồng (chiếm 0,01%); chi phí sản xuất kinh doanh dở dang 22.645.772.795 đồng (chiếm 61,66%); hàng hóa bất động sản 244.000.000 đồng (chiếm 0,66%). Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại đơn vị chủ yếu là sản xuất heo giống nuôi thịt, heo thịt, heo giống hậu bị...

Nhìn chung công ty theo dõi, hạch toán và kiểm kê hàng tồn kho theo quy định. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa được theo dõi nhập, xuất kho chi tiết về mặt số lượng và giá trị theo từng chủng loại, mặt hàng; cuối năm có tổ chức thực hiện kiểm kê theo quy định. Hàng tồn kho cuối năm không bị giảm giá nên Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

e) Quản lý tài sản ngắn hạn khác:

Tổng giá trị tài sản ngắn hạn khác đến ngày 31/12/2015 là 283.589.218 đồng. Đây là khoản thuế phải thu của nhà nước về tiền thuê đất nộp thừa. Công ty mở sổ theo dõi phản ánh biến động của các khoản tạm ứng và cuối năm đối chiếu quy định. Tuy nhiên qua kiểm toán tài sản ngắn hạn khác xác định tăng thêm 100.000.000 đồng, đây là khoản chi phí quảng cáo tết năm 2016 nhưng kế toán đơn vị hạch toán vào chi phí năm 2015, Kiểm toán nhà nước đã loại ra cho phù hợp với niên độ phát sinh.

1.1.2. Quản lý tài sản dài hạn.

a) Quản lý tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định có số dư tại thời điểm 31/12/2015 là 29.091.693.480 đồng. Trong đó:

+ Tài sản cố định hữu hình: Nguyên giá TSCĐ hữu hình là 71.042.647.669 đồng, hao mòn lũy kế 51.671.345.945 đồng, giá trị còn lại 19.371.301.724 đồng. Nguyên giá tài sản cố định của công ty chiếm tỷ trọng 36% trong tổng tài sản, nhưng khấu hao trong năm chỉ có 5.457.620.421 đồng là do nhiều TSCĐ đã hết giá trị khấu hao nhưng đơn vị tận dụng để hoạt động kinh doanh. Nhìn chung, công ty mở sổ theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Tài sản cố định của đơn vị bao gồm máy móc thiết bị, nhà cửa, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, quyền thuê đất, và tài sản cố định khác. Việc quản lý tài sản cố định tương đối chặt chẽ, mỗi tài sản có hồ sơ riêng.

+ Tài sản cố định vô hình: Nguyên giá TSCĐ vô hình là 10.725.800.713 đồng, hao mòn lũy kế 1.005.408.957 đồng, giá trị còn lại 9.720.391.756 đồng. Đây là giá trị quyền sử dụng đất của công ty, giá trị hệ thống quản lý chất lượng. Theo báo cáo của đơn vị giá trị quyền sử dụng đất tại xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh đồng Nai với diện tích 318.211 m² là 5.703.462.695 đồng, đơn vị chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý, do vậy đơn vị chưa trích khấu hao.

b) Đầu tư tài chính dài hạn:

Tại đơn vị vào ngày 31/12/2015 có số dư là 11.250.000.000 đồng. Đây là khoản đầu tư vào công ty CP Đầu tư và Quản lý Khu liên hiệp Công - Nông nghiệp Đồng Nai (Agropark), tỷ lệ góp vốn 28,57%. Nhìn chung, đơn vị mở sổ chi tiết, tổ chức hạch toán, theo dõi, quản lý các khoản đầu tư tài chính theo qui định.

c) Quản lý tài sản dở dang dài hạn:

Chi phí xây dựng dở dang tại ngày 31/12/2015 là 963.820.000 đồng; Số dư đầu kỳ là 841.820.000 đồng, số phát sinh trong năm 2015 là 122.000.000 đồng, đây là chi phí xây dựng trang trại nuôi heo nái quy mô 4.800 con tại xã Xuân Bắc huyện Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai (công ty đang tiến hành xây dựng).

d) Quản lý tài sản dài hạn khác:

Tài sản dài hạn khác đến ngày 31/12/2015 là 22.310.504.906 đồng, chủ yếu là chi phí phân bổ có thời hạn trên 1 năm và giá trị đàn heo nái, heo đực làm việc, đơn vị tổ chức theo dõi chi tiết chi phí phân bổ theo quy định.

1.2. Quản lý nguồn vốn

1.2.1. Quản lý nợ phải trả: Nợ phải trả của công ty tại thời điểm 31/12/2015 là 22.546.690.273 đồng. Qua kiểm toán tình hình công nợ của công ty như sau:

a) Quản lý nợ ngắn hạn:

Nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2015 là 22.546.690.273 đồng, bao gồm: Phải trả cho người bán 5.849.554.492 đồng, người mua trả tiền trước 4.299.000 đồng, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 2.874.527.900 đồng, phải trả người lao động 3.857.614.895 đồng, các khoản phải trả phải nộp khác 9.253.430.699 đồng và các quỹ khen thưởng phúc lợi chưa chi hết 707.263.287 đồng. Qua kiểm toán xác định Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng thêm 811.224.279 đồng, do điều chỉnh lại thuế TNDN sau khi tăng doanh thu tài chính, tăng thu nhập khác và giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Quản lý nợ dài hạn:

Nợ dài hạn tại thời điểm 31/12/2015 là 0 đồng. Trong năm 2014 đơn vị trích lập Quỹ phát triển KH&CN, số tiền 2.250.000.000 đồng; tuy nhiên qua kiểm toán đơn vị không có nhu cầu sử dụng Quỹ trên nên đề nghị hoàn nhập, tăng thu nhập khác tương ứng số tiền là 2.250.000.000 đồng.

Công nợ phải trả được đơn vị phản ánh, hạch toán kế toán theo quy định, chi tiết từng đối tượng công nợ. Cuối năm công ty thực hiện đối chiếu xác nhận nợ đầy đủ, tỷ lệ nợ phải trả đối chiếu được 92,58%.

* *Đánh giá khả năng thanh toán nợ phải trả thông qua các chỉ tiêu:*

+ Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng giá trị tài sản/Tổng nợ phải trả): 10,1 lần;

+ Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng giá trị tài sản ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn): 7,27 lần;

+ Hệ số nợ phải trả (nợ phải trả/vốn chủ sở hữu) là 0,1 lần.

Qua các chỉ số tại thời điểm 31/12/2015 cho thấy khả năng thanh toán tổng quát của đơn vị đảm bảo, giá trị tổng tài sản đủ để thanh toán các khoản nợ phải trả; Nợ phải trả nhỏ hơn vốn chủ sở hữu; Khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty tốt.

c. Quản lý, phân phối tiền lương và các khoản phải trả người lao động:

Đơn vị căn cứ theo Nghị quyết của đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt phương án xây dựng đơn giá tiền lương trên sản phẩm tiêu thụ, cụ thể đơn giá tính lương: Heo giống là 6.735.000 đồng/tấn; heo thịt là 1.144.000 đồng/tấn; chế biến thức ăn cho heo là 190.700 đồng/tấn. Hàng tháng đơn vị căn cứ vào sản phẩm tiêu thụ và theo bảng lương phải trả cho người lao động để hạch toán quỹ lương; Quỹ tiền lương thực trả hạch toán vào chi phí thấp hơn quỹ tiền lương xác định theo đơn giá tiền lương trên.

Năm 2015, quỹ lương của hội đồng quản trị, giám đốc, phó giám đốc và kế toán trưởng được phê duyệt là 1.260 triệu đồng, công ty hạch toán vào chi phí thấp hơn mức được phê duyệt.

Các khoản theo lương như: BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn và các khoản theo lương khác công ty thực hiện theo chế độ quy định.

1.2.2. Quản lý vốn chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu của Công ty đến 31/12/2015 là 205.080.172.517 đồng; gồm: vốn đầu tư của chủ sở hữu 45.000.000.000 đồng, vốn khác của chủ đầu tư 4.500.000.000 đồng, quỹ đầu tư phát triển 106.234.104.677 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 49.346.067.840 đồng.

Cơ bản trong năm không có sự biến động về vốn đầu tư của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ) trong năm tăng 1.426.967.269 đồng và quỹ đầu tư phát triển được trích bổ sung 25.868.853.960 đồng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Năm 2015 Công ty kinh doanh có lãi nên lợi nhuận sau thuế được bổ sung, đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn.

Qua kiểm toán xác định tăng thêm doanh thu tài chính, thu nhập khác và giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. Theo đó, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng thêm số tiền 2.907.976.989 đồng.

1.3. Quản lý doanh thu, thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh

a) Quản lý doanh thu, thu nhập.

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:* Năm 2015 doanh thu của đơn vị chủ yếu là từ hoạt động kinh doanh chăn nuôi heo với số tiền 233.034.406.300 đồng. Công ty thực hiện quy trình bán hàng theo kế hoạch đặt hàng hàng tuần, khách hàng phải thanh toán tiền trước, sau đó công ty có lệnh xuất heo bán cho khách, do vậy khoản phải thu còn rất ít (khoảng 562 trđ). Qua kiểm toán cho thấy, số liệu trên báo cáo tài chính phù hợp với sổ chi tiết. Công ty thực hiện ghi nhận và hạch toán doanh thu bán hàng theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- *Doanh thu tài chính:* Doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2015 theo số báo cáo đơn vị là 7.278.577.691 đồng. Trong đó: các khoản lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng là 5.609.071.910 đồng (chiếm 77,06%), cổ tức, lợi nhuận được chia là 1.513.040.781 đồng (chiếm 20,79%) và một số khoản khác. Đơn vị theo dõi và hạch toán các khoản doanh thu tài chính phù hợp với quy định. Tuy nhiên, qua kiểm toán xác định, doanh thu tài chính năm 2015 tăng thêm 1.369.201.268 đồng, do khoản lãi tiền gửi chưa ghi nhận đầy đủ đến thời điểm 31/12/2015, theo quy định tại Điều 78, điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (*Định kỳ, khi có bằng chứng chắc chắn thu được khoản lãi tiền gửi thì doanh nghiệp phải ghi nhận doanh thu tài chính*).

- *Thu nhập khác:* trong năm 2015 là 941.655.932 đồng. Trong đó, thu nhập từ hoàn chi phí thuê đất nộp thừa các năm trước là 416.687.293 đồng; thu nhập từ bán khí Biogas là 209.090.908 đồng và một số khoản khác. Đơn vị mở sổ theo dõi, hạch toán theo quy định. Qua kiểm toán xác định thu nhập khác tăng thêm 2.250.000.000 đồng do hoàn nhập quỹ phát triển KH&CN đã trích lập năm 2014 chưa có nhu cầu sử dụng vào thu nhập khác.

b) Quản lý chi phí kinh doanh:

- *Giá vốn hàng bán:* Giá vốn hàng bán năm 2015 là: 170.169.015.449 đồng; gồm chủ yếu là chi phí cho đàn heo giống 61.367.435.961 đồng (chiếm 36,06%); đàn heo hậu bị 21.347.063.482 đồng (chiếm 12,54%); đàn heo thịt 73.175.275.415 đồng (chiếm 43%) và các chi phí khác. Giá vốn hàng bán được Công ty tập hợp, theo dõi trên cơ sở tập hợp chi phí phát sinh cho từng đàn heo; tính toán giá thành nhập kho, xuất kho và lập báo cáo chu chuyển đàn heo theo từng quý trong năm; cuối năm thực hiện kiểm kê thực tế từng đàn heo, tổng hợp, tính toán và xác định lại giá thành cho cả năm. Việc ghi chép, hạch toán và báo cáo giá thành, giá vốn được thực hiện theo quy định hiện hành.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp:* Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm 2015 là 6.502.395.811 đồng. Trong đó: chi phí cho nhân viên quản lý 3.295.536.176 đồng (chiếm 50,68%), chi phí khấu hao 271.366.325 đồng (chiếm 4,17%) và các chi phí liên quan khác. Qua kiểm tra chọn mẫu cho thấy, đơn vị mở

sổ kế toán, theo dõi, ghi nhận các khoản chi phí phát sinh trong năm theo quy định. Tuy nhiên, còn tồn tại một số vấn đề sau: Ngày 9/12/2015, đơn vị ký hợp đồng số 08/HĐQC-VMTB với Trung tâm Văn miếu Trấn Biên nhằm thực hiện giới thiệu hình ảnh công ty trong Hội hoa xuân Trấn Biên – Bửu Long xuân Bính Thân năm 2016. Theo Thông báo số 03/TB-BTC ngày 13/1/2016 của Ban tổ chức Hội hoa xuân Trấn Biên Bửu Long thì Đường hoa Trấn Biên 2016 mở cửa phục vụ người dân từ ngày 05/02/2016 đến 13/02/2016 như vậy chi phí quảng cáo phát sinh và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016. Đơn vị hạch toán số tiền 100.000.000 đồng chi phí trên vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2015 là không phù hợp quy định tại đoạn 46 và 47 Chuẩn mực số 01, chuẩn mực kế toán Việt Nam “46. Khi lợi ích kinh tế dự kiến thu được trong nhiều kỳ kế toán có liên quan đến doanh thu và thu nhập khác được xác định một cách gián tiếp thì các chi phí liên quan được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ. Đoạn 47. Một khoản chi phí được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau”.

- *Chi phí bán hàng*: Chi phí bán hàng trong năm là 89.674.000 đồng, chủ yếu là chi phí nhân công là 47.597.000 đồng (chiếm 53,08%), còn lại là các chi phí khác. Qua kiểm toán cho thấy đơn vị mở sổ kế toán, theo dõi, ghi nhận các khoản chi phí phát sinh trong năm theo quy định.

- *Chi phí tài chính*: Chi phí tài chính năm 2015 là 39.829.0000 đồng, đây là chi phí lãi vay trong năm. Qua kiểm toán cho thấy các khoản chi phí tài chính là thực tế phát sinh và có chứng từ hợp lý, hợp lệ kèm theo.

- *Chi phí khác*: Chi phí khác năm 2015 là 1.223.139.422 đồng, trong đó giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ là 768.289.422 đồng (chiếm 62,81%), chi phí phạt vi phạm hành chính 211.000.000 đồng (chiếm 17,25%), chi phí thưởng HĐQT, BKS 147.600.000 đồng (chiếm 12,07%) và các chi phí khác. Đơn vị đã loại trừ các chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế phù hợp quy định. Qua kiểm tra chọn mẫu cho thấy, đơn vị mở sổ kế toán, theo dõi, ghi nhận các khoản chi phí phát sinh trong năm theo quy định.

c) Kết quả và phân phối kết quả kinh doanh

- Theo số liệu của Kiểm toán nhà nước, lãi kế toán trước thuế năm 2015 là 66.949.787.509 đồng, trong đó lãi chủ yếu từ hoạt động chăn nuôi.

Tình hình phân phối kết quả kinh doanh: Ngày 22/4/2016, Đại hội cổ đông đã thông qua Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên số 28/NQ-ĐH, theo đó Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau: trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 6.914.451.810 đồng, quỹ thưởng Ban điều hành 797.821.368 đồng, chi trả cổ tức cho cổ đông bằng 100% vốn điều lệ 45.000.000.000 đồng, phần vốn nhà nước chiếm 73,56% vốn điều lệ, tương ứng cổ tức được hưởng 33.102.000.000 đồng, trong đó trả bằng tiền mặt (chiếm 50%) là 16.551.000.000 đồng, còn lại là trả bằng cổ phiếu.

1.4. Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

a. kê khai, quyết toán thuế

Nhìn chung, công ty đã thực hiện kê khai và thực hiện nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và quy định có liên quan. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại sau:

- Về thuế TNDN: do hạch toán chưa đầy đủ doanh thu tài chính, chưa phù hợp chi phí quản lý doanh nghiệp và hoàn nhập quỹ phát triển KH&CN, nên việc kê khai xác định số thuế TNDN phải nộp NSNN chưa đầy đủ, số thuế TNDN kiểm toán nhà nước xác định tăng thêm là 811.224.279 đồng.

b. Thực hiện nộp ngân sách

Số tiền đơn vị phải nộp NSNN đầu năm 2015 là 3.252.702.384 đồng, số phải nộp trong năm là 11.228.089.669 đồng, số đã thực nộp trong năm 2015 là 12.974.077.650 đồng và số tiền còn phải nộp vào thời điểm 31/12/2015 là 2.063.303.621 đồng; Nhìn chung đơn vị đã chấp hành đúng quy định nộp thuế và các khoản phải nộp vào NSNN.

Tuy nhiên, trong năm 2015 đơn vị chưa hạch toán đầy đủ các khoản doanh thu tài chính, hạch toán không phù hợp niên độ phát sinh chi phí quảng cáo, và tiến hành hoàn nhập quỹ phát triển KH&CN, do vậy KTNN xác định tăng thêm thuế TNDN số tiền tiền 811.224.279 đồng.

1.5. Về công tác kế toán:

Tổ chức bộ máy kế toán: Tại Văn phòng công ty phòng Kế toán Tài chính gồm 01 Kế toán trưởng và 01 Phó trưởng phòng, 04 nhân viên kế toán. Tại trại heo Long Thành có 1 kế toán viên làm nhiệm vụ xuất hóa đơn, lưu trữ và chuyển hồ sơ chứng từ về tổng ty.

- Chứng từ kế toán: Công ty thực hiện việc lập, ghi chép, tập hợp và lưu trữ các loại chứng từ kế toán theo quy định.

- Hạch toán kế toán: Công ty đều áp dụng hệ thống tài khoản kế toán và chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Sổ kế toán: Công ty đều sử dụng chương trình kế toán trên máy vi tính, định kỳ có in sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết, thực hiện các thủ tục mở sổ, khóa sổ, ký tên, đóng dấu để lưu trữ theo quy định.

- Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính năm 2015 của công ty được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Việc chỉ đạo, kiểm tra công tác kế toán: Công tác kiểm tra, kiểm soát được thực hiện thường xuyên.

2. Chấp hành chính sách, pháp luật, chế độ tài chính, kế toán

2.1. Việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán

Nhìn chung đơn vị đã chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán theo quy định, Báo cáo tài chính năm 2015 của đơn vị lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn một số tồn tại trong việc kê khai thuế TNDN.

2.2. Đánh giá việc quản lý và sử dụng đất đai; tính tuân thủ pháp luật

sổ kế toán, theo dõi, ghi nhận các khoản chi phí phát sinh trong năm theo quy định. Tuy nhiên, còn tồn tại một số vấn đề sau: Ngày 9/12/2015, đơn vị ký hợp đồng số 08/HĐQC-VMTB với Trung tâm Văn miếu Trấn Biên nhằm thực hiện giới thiệu hình ảnh công ty trong Hội hoa xuân Trấn Biên – Bửu Long xuân Bính Thân năm 2016. Theo Thông báo số 03/TB-BTC ngày 13/1/2016 của Ban tổ chức Hội hoa xuân Trấn Biên Bửu Long thì Đường hoa Trấn Biên 2016 mở cửa phục vụ người dân từ ngày 05/02/2016 đến 13/02/2016 như vậy chi phí quảng cáo phát sinh và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016. Đơn vị hạch toán số tiền 100.000.000 đồng chi phí trên vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2015 là không phù hợp quy định tại đoạn 46 và 47 Chuẩn mực số 01, chuẩn mực kế toán Việt Nam “46. Khi lợi ích kinh tế dự kiến thu được trong nhiều kỳ kế toán có liên quan đến doanh thu và thu nhập khác được xác định một cách gián tiếp thì các chi phí liên quan được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ. Đoạn 47. Một khoản chi phí được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau”.

- *Chi phí bán hàng*: Chi phí bán hàng trong năm là 89.674.000 đồng, chủ yếu là chi phí nhân công là 47.597.000 đồng (chiếm 53,08%), còn lại là các chi phí khác. Qua kiểm toán cho thấy đơn vị mở sổ kế toán, theo dõi, ghi nhận các khoản chi phí phát sinh trong năm theo quy định.

- *Chi phí tài chính*: Chi phí tài chính năm 2015 là 39.829.0000 đồng, đây là chi phí lãi vay trong năm. Qua kiểm toán cho thấy các khoản chi phí tài chính là thực tế phát sinh và có chứng từ hợp lý, hợp lệ kèm theo.

- *Chi phí khác*: Chi phí khác năm 2015 là 1.223.139.422 đồng, trong đó giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ là 768.289.422 đồng (chiếm 62,81%), chi phí phạt vi phạm hành chính 211.000.000 đồng (chiếm 17,25%), chi phí thưởng HĐQT, BKS 147.600.000 đồng (chiếm 12,07%) và các chi phí khác. Đơn vị đã loại trừ các chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế phù hợp quy định. Qua kiểm tra chọn mẫu cho thấy, đơn vị mở sổ kế toán, theo dõi, ghi nhận các khoản chi phí phát sinh trong năm theo quy định.

c) Kết quả và phân phối kết quả kinh doanh

- Theo số liệu của Kiểm toán nhà nước, lãi kế toán trước thuế năm 2015 là 66.949.787.509 đồng, trong đó lãi chủ yếu từ hoạt động chăn nuôi.

Tình hình phân phối kết quả kinh doanh: Ngày 22/4/2016, Đại hội cổ đông đã thông qua Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên số 28/NQ-ĐH, theo đó Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau: trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 6.914.451.810 đồng, quỹ thưởng Ban điều hành 797.821.368 đồng, chi trả cổ tức cho cổ đông bằng 100% vốn điều lệ 45.000.000.000 đồng, phần vốn nhà nước chiếm 73,56% vốn điều lệ, tương ứng cổ tức được hưởng 33.102.000.000 đồng, trong đó trả bằng tiền mặt (chiếm 50%) là 16.551.000.000 đồng, còn lại là trả bằng cổ phiếu.

1.4. Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

a. kê khai, quyết toán thuế

Nhìn chung, công ty đã thực hiện kê khai và thực hiện nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và quy định có liên quan. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại sau:

- Về thuế TNDN: do hạch toán chưa đầy đủ doanh thu tài chính, chưa phù hợp chi phí quản lý doanh nghiệp và hoàn nhập quỹ phát triển KH&CN, nên việc kê khai xác định số thuế TNDN phải nộp NSNN chưa đầy đủ, số thuế TNDN kiểm toán nhà nước xác định tăng thêm là 811.224.279 đồng.

b. Thực hiện nộp ngân sách

Số tiền đơn vị phải nộp NSNN đầu năm 2015 là 3.252.702.384 đồng, số phải nộp trong năm là 11.228.089.669 đồng, số đã thực nộp trong năm 2015 là 12.974.077.650 đồng và số tiền còn phải nộp vào thời điểm 31/12/2015 là 2.063.303.621 đồng; Nhìn chung đơn vị đã chấp hành đúng quy định nộp thuế và các khoản phải nộp vào NSNN.

Tuy nhiên, trong năm 2015 đơn vị chưa hạch toán đầy đủ các khoản doanh thu tài chính, hạch toán không phù hợp niên độ phát sinh chi phí quảng cáo, và tiến hành hoàn nhập quỹ phát triển KH&CN, do vậy KTNN xác định tăng thêm thuế TNDN số tiền tiền 811.224.279 đồng.

1.5. Về công tác kế toán:

Tổ chức bộ máy kế toán: Tại Văn phòng công ty phòng Kế toán Tài chính gồm 01 Kế toán trưởng và 01 Phó trưởng phòng, 04 nhân viên kế toán. Tại trại heo Long Thành có 1 kế toán viên làm nhiệm vụ xuất hóa đơn, lưu trữ và chuyển hồ sơ chứng từ về tổng ty.

- Chứng từ kế toán: Công ty thực hiện việc lập, ghi chép, tập hợp và lưu trữ các loại chứng từ kế toán theo quy định.

- Hạch toán kế toán: Công ty đều áp dụng hệ thống tài khoản kế toán và chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Sổ kế toán: Công ty đều sử dụng chương trình kế toán trên máy vi tính, định kỳ có in sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết, thực hiện các thủ tục mở sổ, khóa sổ, ký tên, đóng dấu để lưu trữ theo quy định.

- Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính năm 2015 của công ty được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Việc chỉ đạo, kiểm tra công tác kế toán: Công tác kiểm tra, kiểm soát được thực hiện thường xuyên.

2. Chấp hành chính sách, pháp luật, chế độ tài chính, kế toán

2.1. Việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán

Nhìn chung đơn vị đã chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán theo quy định, Báo cáo tài chính năm 2015 của đơn vị lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn một số tồn tại trong việc kê khai thuế TNDN.

2.2. Đánh giá việc quản lý và sử dụng đất đai; tính tuân thủ pháp luật

trong việc quản lý, sử dụng đất.

Tính đến thời điểm kiểm toán, công ty được giao quản lý, sử dụng và mua tổng diện tích đất là 918.952 m², trong đó:

- Nhà nước giao và cho thuê không thu tiền sử dụng đất của văn phòng công ty diện tích đất là 5000 m², trại heo Phú Sơn 155.178 m², trại heo Long Thành là 81.818,9 m². Công ty ký thuê đất với Sở Địa chính Đồng Nai và nộp tiền thuê đất hàng năm.

- Đất mua để xây dựng trại chăn nuôi heo Phước Tân diện tích là 46.595,5 m²; mua tại huyện Xuân Lộc khi phải di dời trại heo Phú Sơn diện tích là 318.211,1 m²

- Đất thuê của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai, trả phí hàng năm với diện tích là 231.124,0 m² để di dời trại heo Phương Đông.

- Đất mua tại huyện Cẩm Mỹ tỉnh Đồng Nai diện tích là 81.025 m² theo kế hoạch khi di dời trại heo tại Biên Hòa, tuy nhiên mặt bằng chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý, do vậy công ty đã chuyển nhượng.

Nhìn chung, công ty quản lý, sử dụng đất đai nhà nước giao theo đúng mục đích quy định của pháp luật.

2.3. Đánh giá việc tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng; Đánh giá thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công ty đã rà soát các quy trình quản lý, sử dụng tài sản, thực hành tiết kiệm trong sử dụng nguyên vật liệu, xây dựng quy trình quản lý và chăm sóc đàn heo để tiết kiệm thời gian và nhân lực, đẩy mạnh phong trào thi đua, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp tiết kiệm chi phí trong vận hành, sử dụng máy móc, thiết bị. Hàng năm, công ty đã thực hiện xây dựng và đăng ký kế hoạch tiết kiệm SXKD, tiết giảm chi phí quản lý, tiết kiệm điện trong sản xuất thức ăn gia súc.

Đối với công tác phòng chống tham nhũng năm 2015 theo Báo cáo số 01/BC-PS ngày 29/01/2016 của công ty về công tác phòng chống tham nhũng năm 2015, công ty đã tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên về công tác phòng, chống tham nhũng đến cán bộ, công nhân viên và người lao động; thực hiện công khai, minh bạch trong các hoạt động của đơn vị; xây dựng, ban hành và thực hiện các quy chế quản lý tài chính, quản lý nợ, công bố thông tin, quy chế tiền lương, tiền thưởng... trong năm 2015 không phát hiện trường hợp vi phạm Luật phòng, chống tham nhũng.

2.4. Đánh giá việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện vốn Nhà nước tại Công ty CP chăn nuôi Phú Sơn:

Theo Quyết định số 475/QĐ-HĐTV ngày 04/12/2015 của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai, việc phân chia và giao nhiệm vụ nắm giữ cổ phần

của các đại diện phần vốn Tổng công ty tại Công ty CP chăn nuôi Phú Sơn được thực hiện như sau: ông Hà Văn Sơn - đại diện 43,56% vốn góp của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai, Ông Lê Phước Hùng - đại diện 15,00% vốn góp của Tổng công ty, Ông Đinh Văn Hồng - đại diện 15,00% vốn góp của Tổng công ty. Ông Hà Văn Sơn giữ nhiệm vụ nhóm trưởng đại diện phần vốn Tổng công ty tại Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn.

Qua kiểm toán quản lý hoạt động tài chính của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai tại đơn vị cho thấy:

- Người đại diện vốn của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai tại đơn vị đã nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai tại Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn, thể hiện cụ thể là:

+ Hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách theo như Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua;

+ Kết quả kinh doanh 2015 đạt được khá cao, lợi nhuận sau thuế, vượt mức kế hoạch đề ra; đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Thực hiện đầy đủ việc lập và gửi báo cáo định kỳ theo biểu mẫu quy định trong Quy chế quản lý Người đại diện vốn ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 23/01/2008 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai

2.5. Đánh giá thực hiện Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về Quy chế Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

Năm 2015 Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai cử 03 thành viên đại diện vốn nhà nước tại công ty. Công ty đã lập báo cáo giám sát tài chính, phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, cũng như đã tự xếp loại doanh nghiệp năm 2015 theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 158/2013/TT-BTC. Qua kết quả kiểm toán, năm 2015 các chỉ tiêu như: Doanh thu và thu nhập khác; lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu của công ty đều đạt kế hoạch, không phát sinh nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn được đảm bảo.

Công ty đã thực hiện lập và gửi báo cáo theo quy định tại Khoản 3, Điều 9, Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 và theo Công văn 62/TCTCNTP-HĐTV của Tổng Công ty. Theo báo cáo Xếp loại Doanh nghiệp năm 2015, Công ty xếp loại B, lý do bị vi phạm phạt về môi trường.

2.6. Đánh giá kết quả thực hiện Đề án Tái cơ cấu toàn diện từ tài chính, mô hình tổ chức, quản lý, nguồn nhân lực, ngành nghề sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, đầu tư đến thị trường, sản phẩm; thực hiện theo lộ trình việc thoái vốn nhà nước đã đầu tư vào ngành không phải ngành kinh doanh chính, thoái vốn Nhà nước ở công ty cổ phần nhà nước không cần chi phối.

Doanh nghiệp chuyển sang thành công ty cổ phần vào tháng 10/2005, không nằm trong kế hoạch tái cơ cấu của Tổng công ty giai đoạn 2011-2015. Ngành nghề kinh doanh của công ty từ trước tới nay là chăn nuôi heo.

III. TÍNH KINH TẾ, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC.

3.1. Hiệu quả hoạt động của Công ty.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2015 của đơn vị là 233.034.406.300 đồng, giảm 11,48% so với năm 2014; lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2015 của đơn vị là 64.981.270.999 đồng, giảm 11,27% so với năm 2014, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đạt 24,07%; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 27,35%. Từ các chỉ số trên cho thấy, hoạt động kinh doanh trong năm 2015 có chiều hướng giảm hơn so với năm 2014. Tuy nhiên hiệu quả sử dụng vốn vẫn giữ ở mức tương đối cao.

Hệ số bảo toàn và phát triển vốn nhà nước = $\frac{\text{Tổng TS} - \text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn ĐTCSH} + \text{Quỹ ĐTPT}} = 1,36$, cho thấy đơn vị bảo toàn được vốn nhà nước

3.2. Đánh giá hiệu quả đầu tư ra ngoài nhiệm vụ chính: Công ty không đầu tư ra ngoài nhiệm vụ chính.

PHẦN THỨ HAI

KIẾN NGHỊ

1. Đối với Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn

1.1. Điều chỉnh sổ kế toán, Báo cáo tài chính năm 2015 theo kết quả kiểm toán.

1.2. Kiến nghị về xử lý tài chính:

- Thực hiện nộp vào NSNN số tiền 811.224.279 đồng.

2. Đối với Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai

Thông qua người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước

3. Đối với Cục thuế tỉnh Đồng Nai

Đôn đốc đơn vị nộp vào NSNN số thuế xác định tăng thêm là: 811.224.279 đồng.

* * *

Đề nghị Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của KTNN và báo cáo kết quả thực hiện về KTNN khu vực XIII, địa chỉ: số 209 đường Lê Hồng Phong, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trước ngày .../.../2016. Trên chứng từ nộp Kho bạc Nhà nước ghi đúng số tiền do Kiểm toán Nhà nước kiến nghị và ghi rõ: **Nộp theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2016.**

Báo cáo kiểm toán này gồm 17 trang, từ trang 01 đến trang 17 và Phụ lục số 01/BCKT-TKT-DN là bộ phận không tách rời của Báo cáo kiểm toán./.

**TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM
TOÁN**



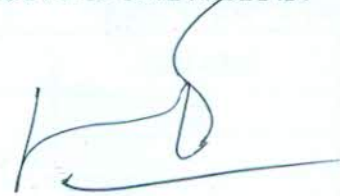
Lê Viết Trại

Số thẻ KTVNN: B0320/KTVC

Nơi nhận:

- Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn
- Cục thuế tỉnh Đồng Nai
- KTNN khu vực XIII;
- Đoàn KTNN;
- Tổ kiểm toán;
- Lưu: HSKT

TRƯỞNG ĐOÀN KTNN



Hoàng Quốc Dũng

Số hiệu thẻ KTVNN: B0305/KTVC

KIỂM TOÁN TRƯỞNG



Hoàng Bồng

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU, GIẢM CHI NĂM 2015
Tại Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
A	B	1	2
I	Các khoản phải nộp NSNN	811.224.279 đ	
1	Thuế TNDN	811.224.279 đ	